TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG -TP HÀ NỘI
-----***-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----

Bản án số: 08 /2019/HNGĐ-ST
Ngày16/4/2019
V/v tranh chấp: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thúy Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân***:**

1. Ông Định Thiện Tụy
2. Bà Dương Thị Thắm

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Lan – Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên .

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 801/ 2018/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp : xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 12.3.2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28.3.2019 giữa các đương sự :

*** Nguyên đơn: Chị Lê Minh N,** sinh năm 1978

HKTT và trú tại: số X Ngõ B II, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: tự do

Có mặt

***Bị đơn**: **Anh Hoàng Xuân K**, sinh năm 1978

HKTT và trú tại: số X Ngõ B II, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: tự do

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06.11.2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Minh N trình bầy :

Chị kết hôn với anh Hoàng Xuân K năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn, cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau, tại số X Ngõ B II, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu, thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và hay xúc phạm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng xin ly hôn anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh K có hai con chung: Hoàng Ngọc L, sinh ngày 11.3.2005 và Hoàng Xuân Anh Đ, sinh ngày 28.10.2016 . Nếu được ly hôn chị có nguyện vọng được hai con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản và nhà ở: Chị xác nhận chị và anh K không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác nhận chị và anh K không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị N không trình bày hay yêu cầu nào khác.

* Toà án đã tiến hành lập biên bản phản ánh sự việc về việc không thể thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo cho anh Hoàng Xuân K và đã niêm yết

Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời tiến hành đăng thông báo tìm anh Hoàng Xuân K tại ba số báo hàng ngày của Trung Ương và Đài Truyền hình của Trung Ương ba lần trong ba ngày liên tiếp báo cho anh Hoàng Xuân K đến Toà án để Toà án giải quyết vụ kiện xin ly hôn của chị Lê Minh N nhưng anh Hoàng Xuân K không đến Toà án . Do vậy Toà án không lấy được lời khai của anh Hoàng Xuân K.

Tại phiên tòa:

* Chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn đối với anh K. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn với anh K.

* Tại phiên tòa ngày 28.3.2019 và tại phiên tòa ngày hôm nay; anh Hoàng Xuân K đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra phiên tòa xét xử và quyết định hoãn phiên tòa – như vậy anh Hoàng Xuân K đã tự tước đi quyền trình bầy để bảo vệ quyền lợi của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng phát biểu:

- Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án - Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự .

- Quá trình xét xử - Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị :

Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Cho chị N được ly hôn anh K.

Về Con: Xác nhận chị N và anh K có hai con chung. Giao hai con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con chung đối với anh K cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản, nhà ở và vay nợ chung: Chị N xác nhận không có, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà

Căn cứ lời trình bày của chị Lê Minh N và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng tại phiên toà.

Hội đồng xét xử nhận định:

I. Theo kết quả thu thập chứng cứ tại Công an phường K, quận T, thành phố Hà Nội thể hiện từ năm 2005 anh Hoàng Xuân Khiên có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ số X Ngõ B II, phường K, quận T, thành phố Hà Nội, từ tháng 10 năm 2018 cho tới nay anh K không còn sinh sống tại đây nữa và không nắm rõ địa chỉ nơi cư trú mới của anh K. Bản thân chị N không biết anh K hiện đang cư trú tại đâu, anh K thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú vì vậy Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ và vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

II. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Minh N và anh Hoàng Xuân K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Hai bên đăng ký kết hôn ngày 25.3.2004 tại Uỷ ban nhân dân phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: vợ chồng ít chung sống với nhau, thời gian chung sống rất

ngắn. Năm 2006 anh K vi phạm pháp luật và bị xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với thời hạn 20 năm tù. Đến năm 2015 anh K chấp hành xong hình phạt tù, về chung sống tại địa chỉ trên nhưng anh K lại chơi cờ bạc dẫn đến nợ tiền ngoài xã hội. Tháng 10.2018 anh K đã bỏ đi không còn chung sống với mẹ con chị N nữa. Quá trình giải quyết, anh K đã không đến Tòa án, anh K đã tự tước bỏ đi cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng chị N, anh K không còn khả năng đoàn tụ, không còn việc chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Xét việc chị N xin ly hôn với anh K là có cơ sở; nghĩ nên xử cho chị N được ly hôn với anh K là phù hợp với thực tế.

III. Về con chung: Chị N xác nhận chị và anh K có hai con chung: Hoàng Ngọc L, sinh ngày 11.3.2005 và Hoàng Xuân Anh Đ, sinh ngày 28.10.2016. Xét nguyện vọng của chị N xin nuôi hai con chung, chị N có chỗ ở và thu nhập ổn định, hiện đang chăm sóc các con. Để cho các con được phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần nghĩ nên giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung sẽ đảm bảo mọi quyền lợi về mọi mặt của các con và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Khi được nuôi con, chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con, đây là sự tự nguyện của chị N nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con đối với anh K cho đến khi có yêu cầu mới.

IV. Về tài sản và nhà ở chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

V. Về vay nợ chung: Chị N xác nhận vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ - không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

VI. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, khoản 1 điều 57, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 .

- Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 3 điều 36, khoản 4 điều 147, điều 220, khoản 2 điều 227 , điều 235 , điều 266 , điều 271, điều 273, điều 278, điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử :

* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Minh N đối với anh Hoàng Xuân K.

* Cho chị Lê Minh N được ly hôn với anh Hoàng Xuân K.

- Về con chung: Xác nhận chị N và anh K có hai con chung:

- Hoàng Ngọc L, sinh ngày 11.3.2005.

- Hoàng Xuân Anh Đ, sinh ngày 28.10.2016.

Giao hai con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 4.2019 cho đến khi các con chung trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con chung đối với anh K cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh K có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc các con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nhà ở chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về vay nợ chung: Chị N xác nhận vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí**: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào 300.000đ dự phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004502 ngày 11.12.2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

* Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

* Anh K có quyền kháng có trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

* Viện Kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NƠI NHẬN :
- Các đương sự
- TAND TP Hà Nội
- Viện kiểm sát Quận Hai Bà Trưng
- Thi hành án Dân sự Q.HBT
- Lưu hồ sơ , văn phòng

Vũ Thúy Hoa